TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 362/2023/DS-ST
Ngày: 06-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thanh Mai Tuyến.

2. Bà Nguyễn Đông Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thức - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 0045/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cơ sở nuôi dưỡng và bảo trợ trẻ em khuyết tật T.

Địa chỉ: đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1961. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ D, phường E, quận F, Thành phố Hà Nội.

(Theo hợp đồng ủy quyền số công chứng 1155.HĐUQ, quyển số 02/2021 TP/CC-SCC-HĐGD ngày 16/3/2021 tại Văn phòng công chứng Lê Văn Sơn)

Bị đơn: Công ty Cổ phần đào tạo - nghiên cứu và ứng dụng Công nghệ thông tin S.

Địa chỉ: đường G, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế U, sinh năm 1953. (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường E, Phường O, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2021, đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Cơ sở nuôi dưỡng và bảo trợ trẻ em khuyết tật T và quá trình giải quyết vụ án bà Đỗ Thị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 05/7/2010 Cơ sở nuôi dưỡng và bảo trợ trẻ em khuyết tật T (Sau đây gọi tắt là Cơ sở T) cho Công ty Cổ phần đào tạo - nghiên cứu và ứng dụng Công nghệ thông tin S (Sau đây gọi tắt là Công ty S) vay 160 lượng vàng SJC, không lấy lãi. Bản chính Giấy vay tiền ngày 05/7/2010 hiện nay đã thất lạc, tuy nhiên Công ty S đã nhiều lần xác nhận nợ tại các văn bản đề nghị gia hạn thời gian trả nợ, bản chính các văn bản đó hiện nay Cơ sở T đang lưu giữ. Hơn 10 năm qua, Cơ sở T gặp rất nhiều khó khăn về tài chính để xây dựng nhà ở cho trẻ khuyết tật và đã yêu cầu Công ty S trả nợ rất nhiều lần. Tuy nhiên, đến tháng 12/2021 Công ty S mới trả cho Cơ sở T số tiền là 1.595.000.000 đồng. Như vậy, Công ty S còn nợ của Cơ sở T số tiền tạm tính là 6.900.000.000 đồng. Bằng những cam kết trả nợ trong nhiều năm và những thông tin ông Nguyễn Thế U là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty S hứa về các nguồn để trả nợ Cơ sở T, nhưng đến nay Công ty S đã không thực hiện đúng và gây cho Cơ sở T rất nhiều khó khăn.

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2021, Cơ sở T đề nghị Tòa án xem xét buộc Công ty S trả cho Cơ sở T số tiền nợ tạm tính quy đổi từ vàng sang tiền Việt Nam đồng là 6.900.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2023, Cơ sở T thống nhất với Thư xác nhận công nợ và cam kết trả nợ ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Công ty S do ông Nguyễn Thế U ký và được ông Phan Khắc Từ ký xác nhận có nội dung: "Ông Lê Văn Hậu là Phó giám đốc Cơ sở T đã thống nhất quy đổi số nợ 160

lượng vàng SJC ra số tiền là 5.827.200.000 đồng". Tại Thư xác nhận công nợ và cam kết trả nợ ngày 28 tháng 8 năm 2020 hai bên xác nhận Công ty S đã trả 1.305.000.000 đồng. Sau đó, Công ty S đã trả thêm được số tiền cụ thể như sau: tháng 12/2020, Công ty S trả 150.000.000 đồng; vào năm 2021, Công ty S trả 100.000.000 đồng; vào năm 2022, Công ty S trả 500.000.000 đồng. Tổng số tiền Công ty S đã trả Cơ sở T tính đến thời điểm hiện nay là 2.055.000.000 đồng. Số tiền Công ty S còn nợ Cơ sở T là 3.772.200.000 đồng.

Hiện nay, trẻ em khuyết tật tại Cơ sở T đang phải sống và sinh hoạt trong căn nhà cấp 4 xuống cấp, những ngày mưa gió là nhà bị dột nên các sơ phải dùng xô, chậu để hứng nước. Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện cấp đất cho Cơ sở T tại địa chỉ đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2010 để xây dựng cơ sở mới nhưng do Công ty S không trả nợ nên việc xây dựng chưa thực hiện được. Với mong muốn sớm đòi được nợ để xây dựng nhà ở cho trẻ khuyết tật và cải thiện một số khó khăn trong sinh hoạt. Cơ sở T đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1/ Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là: 3.127.800.000 đồng.

2/ Buộc Công ty S trả số tiền nợ là 3.772.200.000 đồng cho Cơ sở T, không yêu cầu tính lãi. Việc thanh toán được thực hiện làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty Cổ phần Đào tạo nghiên cứu và ứng dụng Công nghệ thông tin S là bị đơn, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các các vấn đề sau: Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là: 3.127.800.000 đồng; Buộc Công ty S trả số tiền nợ là 3.772.200.000 đồng cho Cơ sở T, không yêu cầu tính lãi. Việc thanh toán được thực hiện làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ theo Thư xác nhận công nợ và cam kết trả nợ ngày 28 tháng 8 năm 2020. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hợp đồng vay tài sản của tổ chức với tổ chức thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn Công ty S có trụ sở tại đường G, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện:

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không giải quyết về thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

[1.4.1] Ngày 24 tháng 3 năm 2023 nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.4.2] Căn cứ công văn số 4844/ĐKKD-T6 ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phúc đáp công văn số 877/TAPN ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận thể hiện Công ty Cổ phần đào tạo - nghiên cứu và ứng dụng Công nghệ thông tin S có địa chỉ trụ sở chính tại đường G, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Nguyễn Thế U, địa chỉ: đường E, Phường O, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty chưa đăng ký thành lập chi nhánh, đến nay công ty chưa đăng ký giải thể.

Căn cứ phúc đáp của Công an Phường 03, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung tại địa chỉ đường G, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh không có Công ty Cổ phần Đào tạo nghiên cứu và ứng dụng Công nghệ thông tin S hoạt động và không rõ chuyển đi đâu.

Căn cứ phúc đáp của Công an Phường 15, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung đương sự Nguyễn Thế U có hộ khẩu thường trú tại đường E, Phường O, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện không cư trú tại địa chỉ trên.

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh đầy đủ địa chỉ của bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn nên có cơ sở xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi có trụ sở của bị đơn, việc bị đơn thay đổi địa chỉ mà không thông báo công khai theo quy định tại Điều 79 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.5] Việc thu thập chứng cứ:

Tại bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải nguyên đơn khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án.

Xét thấy, bị đơn là Công ty S đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tống đạt các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[2] Nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Ngày 14/2/2023, nguyên đơn đã nộp đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện xin rút một phần yêu cầu đối với số tiền 3.127.800.000 đồng, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 và khoản 4 Điều 218, Điều 219 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Căn cứ vào Giấy hẹn và cam kết trả nợ ngày 10/5/2017, Thư đề nghị gia hạn thời gian trả nợ ngày 24/01/2018, Thư xác nhận công nợ và cam kết trả nợ ngày 28/8/2020, văn bản ngày 10/3/2021, văn bản ngày 30/3/2021 của Công ty S có chữ ký

của ông Nguyễn Thế U và đóng dấu mộc Công ty Cổ phần đào tạo - nghiên cứu và ứng dụng Công nghệ thông tin S.

Căn cứ công văn số 4844/ĐKKD-T6 ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông Nguyễn Thế U là Chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện theo pháp luật của Công ty S.

Xét, tại các văn bản xác nhận nợ và đề nghị gia hạn thời gian thanh toán đều do ông Nguyễn Thế U ký, có đóng dấu Công ty với chức danh Tổng giám đốc. Vì vậy, ông U được đại diện Công ty ký kết các văn bản nhân danh Công ty.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc theo Thư xác nhận công nợ và cam kết trả nợ ngày 28 tháng 8 năm 2020. Nguyên đơn xác định bản chính giấy vay tiền ngày 5/7/2010 đã bị thất lạc, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền theo Thư xác nhận công nợ và cam kết trả nợ ngày 28 tháng 8 năm 2020. Vụ án thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*".

Theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, theo đó giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây: *"a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập; b) Chủ thể tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; c) Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội"*.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 thì đến hạn trả, bên vay có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Tại Thư xác nhận công nợ và cam kết trả nợ ngày 28 tháng 8 năm 2020, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất quy đổi tổng số nợ 160 lượng vàng SJC ra số tiền là 5.827.200.000, không thỏa thuận về lãi. Việc thỏa thuận trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại Đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện

ngày 14/2/2023, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả số tiền là 2.055.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn lại là 3.772.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền 3.772.200.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.127.800.000 đồng, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 3.772.200.000 đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 107.444.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cơ sở nuôi dưỡng và bảo trợ trẻ em khuyết tật T về việc yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần đào tạo - nghiên cứu và ứng dụng Công nghệ thông tin S trả lại số tiền 3.127.800.000 đồng (Ba tỷ một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – Cơ sở nuôi dưỡng và bảo trợ trẻ em khuyết tật T.

Buộc Công ty Cổ phần đào tạo - nghiên cứu và ứng dụng Công nghệ thông tin S có nghĩa vụ trả cho Cơ sở nuôi dưỡng và bảo trợ trẻ em khuyết tật T số tiền là 3.772.200.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm bảy mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Cơ sở nuôi dưỡng và bảo trợ trẻ em khuyết tật T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Cơ sở nuôi dưỡng và bảo trợ trẻ em khuyết tật T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 57.450.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0029145 ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần đào tạo - nghiên cứu và ứng dụng Công nghệ thông tin S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 107.444.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

4. Nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Tân Bình;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Hoàng Yến